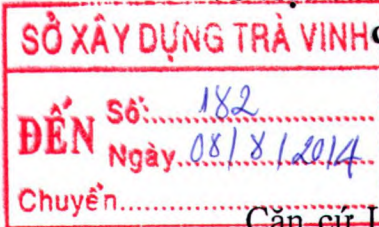


Số: 17 /2014/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 05 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định phân cấp trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 27 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Trà Vinh tại Tờ trình số 47/TTr-SXD ngày 15 tháng 5 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định phân cấp trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, cơ quan ngang Sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Website Chính phủ;
- Như Điều 3;
- BLĐVP.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các phòng NC;
- TT TH-CB-VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTKT 134 bản

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)
Nguyễn Văn Phong

QUY ĐỊNH

**Phân cấp trách nhiệm quản lý chất lượng
công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 17 /2014/QĐ-UBND
ngày 05/8 /2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với chủ đầu tư, nhà thầu, tổ chức và cá nhân có liên quan trong công tác khảo sát, thiết kế, giám sát, thi công và nghiệm thu công trình xây dựng, thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình xây dựng, bảo trì, quản lý an toàn lao động, giải quyết sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ban hành.

Điều 3. Phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng

Phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng cho các Sở, Ban - ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 41, khoản 1 Điều 44 và khoản 3 Điều 45 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình dân dụng quy định tại mục I; công trình sản xuất vật liệu xây dựng quy định tại bảng II.1 mục II và công trình hạ tầng kỹ thuật quy định tại mục III Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

2. Sở Công thương chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành (trừ công trình sản xuất vật liệu xây dựng) quy định tại mục II Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

3. Sở Giao thông Vận tải chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình giao thông quy định tại mục IV Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định tại mục V Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

5. Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình thuộc khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng, bao gồm: công trình do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng; công trình nhà ở riêng lẻ; công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư hoặc được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quyết định đầu tư và các công trình do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trừ các công trình quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này.

Điều 4. Thảm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng (thực hiện khoản 6, khoản 8 Điều 25 Thông tư 10/2013/TT-BXD).

1. Sở Xây dựng kiểm tra các công trình quy định tại điểm a, điểm b và điểm e khoản 1 Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư 10/2013/TT-BXD, cụ thể:

a) Đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền quyết định đầu tư, bao gồm: Nhà máy xi măng cấp III, cấp II; nhà chung cư cấp II, cấp III; công trình công cộng cấp II, cấp III; công trình hạ tầng kỹ thuật cấp II, cấp III và các công trình xử lý chất thải rắn độc hại không phân biệt cấp;

b) Đối với công trình sử dụng vốn khác, bao gồm: Nhà chung cư cấp II, cấp III; nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên; công trình công cộng cấp II, cấp III; công trình hạ tầng kỹ thuật cấp II và các công trình xử lý chất thải rắn độc hại không phân biệt cấp.

2. Sở Công thương kiểm tra các công trình quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình nhà máy xi măng và các công trình quy định tại khoản 2 Điều 25 Thông tư 10/2013/TT-BXD, cụ thể:

a) Công trình cấp II, cấp III sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn khác ngoài ngân sách nhà nước, bao gồm: Đường dây tải điện, nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện kim, nhà máy sản xuất Alumin; các công trình nhà máy lọc hóa dầu, chế biến khí, nhà kho; tuyến đường ống dẫn xăng, dầu, khí hóa lỏng, nhà máy sản xuất; kho chứa hóa chất nguy hiểm; nhà máy sản xuất và kho chứa vật liệu nổ công nghiệp không phân biệt cấp;

b) Các công trình cấp II thuộc khu công nghiệp, trừ các công trình quy định tại khoản 5 Điều này. //

3. Sở Giao thông Vận tải kiểm tra các công trình quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại khoản 3 Điều 25 Thông tư 10/2013/TT-BXD, cụ thể:

a) Đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền quyết định đầu tư, gồm: Công trình cầu, hầm, đường bộ cấp II, cấp III; sân bay, bến, ụ nâng tàu, cảng bến đường thủy; hệ thống cáp treo vận chuyển người không phân biệt cấp;

b) Đối với các công trình sử dụng vốn khác, bao gồm: Công trình cầu, hầm, đường bộ cấp II; sân bay, bến, ụ nâng tàu, cảng bến đường thủy; hệ thống cáp treo vận chuyển người không phân biệt cấp.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra các công trình quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại khoản 4 Điều 25 Thông tư 10/2013/TT-BXD, cụ thể:

Các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn khác ngoài ngân sách nhà nước, gồm: Công trình hồ chứa nước, đập ngăn nước, tràn xả lũ, công lấy nước, cống xả nước, kênh, đường ống kín dẫn nước, đường hầm thủy công, đê, kè, trạm bơm và công trình thủy lợi khác không phân biệt cấp.

5. Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh kiểm tra các công trình thuộc các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, trừ các công trình quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, cụ thể:

a) Đối với các công trình cấp III, cấp IV trong các khu công nghiệp và các công trình có yêu cầu bắt buộc phải kiểm tra công tác nghiệm thu không phân biệt cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP;

b) Đối với các công trình xây dựng trong khu kinh tế thực hiện theo quy định khoản 9 Điều 25 Thông tư 10/2013/TT-BXD.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra các công trình, trừ các công trình quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này, cụ thể:

a) Đối với các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư và các dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư;

b) Đối với công trình sử dụng vốn khác, gồm: Công trình nhà ở riêng lẻ, nhà chung cư cấp IV, công trình công cộng cấp IV, công trình hạ tầng kỹ thuật cấp IV Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

7. Đối với một số công trình do đặc điểm tổ chức thi công theo tuyến công trình, khó xác định được các giai đoạn chuyển bước thi công và các công trình, có quy mô nhỏ, kết cấu đơn giản thì không phải kiểm tra công tác nghiệm thu chuyển giai đoạn mà chỉ thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào sử dụng.*/

8. Đối với các công trình không phải kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng (các công trình không thuộc quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này) thì chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng để đưa vào sử dụng theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

9. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công trình, hạng mục công trình chính của dự án đầu tư xây dựng công trình có nhiệm vụ tổ chức kiểm tra tất cả các công trình, hạng mục công trình xây dựng thuộc đối tượng phải kiểm tra theo quy định tại Điều này của dự án và mời các cơ quan chuyên môn về xây dựng chuyên ngành có liên quan tham gia trong quá trình kiểm tra.

10. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 45 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

11. Đối với các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BTO, BT cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký hợp đồng thực hiện dự án hoặc được giao quản lý thực hiện hợp đồng dự án thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

Chương II

PHÂN CẤP TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 5. Sở Xây dựng

Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

1. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản triển khai, thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, các tổ chức và cá nhân tham gia xây dựng công trình thực hiện các quy định pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

3. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này. Lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh. Kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình khi phát hiện dấu hiệu vi phạm về chất lượng hoặc theo yêu cầu. //

4. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình do Sở quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này. Kế hoạch, nội dung kiểm tra, kết quả kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu chuyển giai đoạn thi công lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 và kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 Quy định này.

5. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình chuyên ngành do Sở quản lý. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình sự cố trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý.

6. Theo dõi, kiểm tra, xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Trường hợp phát hiện chất lượng công trình không đảm bảo yêu cầu, có nguy cơ gây sập đổ công trình hoặc biện pháp thi công không đảm bảo an toàn thì được quyền tạm dừng thi công và chỉ cho phép thi công sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu khắc phục các tồn tại, đảm bảo an toàn. Việc tạm dừng thi công thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

7. Công bố trên trang thông tin điện tử do Sở quản lý:

a) Thông tin năng lực của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

b) Công bố tên và hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 46 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

8. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ hàng năm vào ngày 15 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Quy định này.

9. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp và báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng năm trước ngày 15 tháng 12 và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu; báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình khi tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Quy định này.

Điều 6. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành

Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, gồm: Sở Công thương; Sở Giao thông Vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*thực hiện khoản 2 Điều 45 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP*), có trách nhiệm:

1. Quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành. Lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh. Kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình khi phát hiện dấu hiệu vi phạm về chất lượng hoặc theo yêu cầu của cơ quan cấp trên.

2. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại các khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 4 Quy định này. Kế hoạch, nội dung kiểm tra, kết quả kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu chuyển giai đoạn thi công lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 và kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 Quy định này.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điều 25 Quy định này; hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo phân cấp.

4. Xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Trường hợp phát hiện chất lượng công trình không đảm bảo yêu cầu, có nguy cơ gây sập đổ công trình hoặc biện pháp thi công không đảm bảo an toàn thì được quyền tạm dừng thi công và chỉ cho phép thi công sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu khắc phục các tồn tại, đảm bảo an toàn. Việc tạm dừng thi công thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

5. Tổng hợp, báo cáo Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 15 tháng 11 và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Quy định này.

6. Kiện toàn, tổ chức bộ phận chuyên môn có đủ năng lực để giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành.

Điều 7. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh

1. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng thuộc khu công nghiệp, khu kinh tế theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Quy định này. Lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý.

2. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình thuộc quyền quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Quy định này. Nội dung kiểm tra, kết quả kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu chuyển

giai đoạn thi công theo mẫu tại Phụ lục 1 và kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

3. Tổng hợp, báo cáo Sở Công thương, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 15 tháng 11 và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý theo mẫu Phụ lục 3 kèm theo Quy định này.

4. Kiện toàn, tổ chức bộ phận chuyên môn có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Điều 8. Ủy ban nhân dân cấp huyện (thực hiện khoản 3 Điều 45 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP).

1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

2. Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Quy định này.

3. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

4. Báo cáo sự cố và giải quyết sự cố theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Quy định này. Hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Quy định này.

5. Tổng hợp, báo cáo Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 15 tháng 11 và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Quy định này.

Điều 9. Cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

Phòng chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn, có trách nhiệm:

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn. ✓

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

3. Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Quy định này. Lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn. Kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình khi có yêu cầu hoặc khi phát hiện dấu hiệu vi phạm về chất lượng công trình xây dựng.

4. Kiến nghị xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng, Trường hợp phát hiện chất lượng công trình không đảm bảo yêu cầu, có nguy cơ gây sập đổ công trình hoặc biện pháp thi công không đảm bảo an toàn, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện tạm dừng thi công và chỉ cho phép thi công sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu khắc phục các tồn tại, đảm bảo an toàn. Việc tạm dừng thi công thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư số 10/2013/TT-BXD;

5. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Quy định này. Kế hoạch, nội dung kiểm tra; kết quả kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu chuyển giai đoạn thi công lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 và kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 Quy định này.

6. Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện các nhiệm vụ: lập báo cáo sự cố và giải quyết sự cố theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Quy định này; giải quyết sự cố, tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình nhà ở riêng lẻ; giải quyết những hư hỏng công trình lân cận, liền kề do việc thi công xây dựng công trình mới gây ra; hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý theo phân cấp quy định tại khoản 6 Điều 3 Quy định này.

7. Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 15 tháng 11 và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Quy định này.

Điều 10. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về chất lượng công trình xây dựng cho các tổ chức và công dân trên địa bàn.

2. Tiếp nhận, xác nhận thông báo khởi công của chủ đầu tư đối với công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định tại Điều 68 Luật Xây dựng; kiểm tra quá trình thi công công trình theo nội dung giấy phép xây dựng, biển báo

công trường, các điều kiện đảm bảo vệ sinh môi trường như: hàng rào thi công, che chắn công trình, thoát nước thi công, giải pháp thu gom nước thải, phế thải xây dựng, nhà vệ sinh tạm thời, giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè, lòng đường.

3. Tiếp nhận báo cáo sự cố của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình trên địa bàn; đồng thời, ngay sau khi nhận được thông tin phải báo cáo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện về sự cố theo quy định tại Điều 23 Quy định này.

4. Lập hồ sơ sự cố công trình xây dựng đối với công trình nhà ở riêng lẻ trên địa bàn. Trường hợp phát hiện công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ của dân hoặc các công trình lân cận, liền kề công trình đang xây dựng có dấu hiệu không đảm bảo an toàn cho người sử dụng hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố sập đổ, phải có biện pháp tổ chức di chuyển người và tài sản ra khỏi khu vực nguy hiểm và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Lập danh mục theo dõi các công trình khởi công xây dựng trên địa bàn, định kỳ 6 tháng/1 lần báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Quy định này.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA CÁC TỔ CHỨC THAM GIA HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Điều 11. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Công tác quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình (*thực hiện Điều 24 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP*):

a) Lựa chọn các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện công tác khảo sát xây dựng, thiết kế, thi công xây dựng công trình, giám sát thi công xây dựng công trình (nếu có), thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (nếu có) và các công việc tư vấn xây dựng khác;

b) Thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng của chủ đầu tư, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình cho các nhà thầu có liên quan biết để phối hợp thực hiện. Trước khi thi công xây dựng, chủ đầu tư và các nhà thầu thi công xây dựng phải thống nhất các nội dung về hệ thống quản lý chất lượng của chủ đầu tư và của nhà thầu; kế hoạch và biện pháp kiểm soát chất lượng theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 10/2013/TT-BXD;

c) Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo quy định tại Điều 72 Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời gửi thông báo khởi công công trình bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng công trình theo quy định tại Điều 68 Luật Xây dựng;

Đối với các công trình thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, sau khi khởi công chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình

xây dựng theo phân cấp tại Điều 4 Quy định này các thông tin sau: tên và địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư, tên công trình, địa điểm xây dựng, quy mô và tiến độ thi công dự kiến của công trình.

d) Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm: Nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình;

đ) Kiểm tra việc huy động và bố trí nhân lực của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình so với yêu cầu của Hợp đồng xây dựng;

e) Kiểm tra và giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình theo quy định tại khoản 6 Điều 24 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

g) Thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với các công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

h) Tổ chức kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình và toàn bộ công trình xây dựng khi có nghi ngờ về chất lượng hoặc khi được cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu;

i) Tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều này;

k) Tổ chức lập hồ sơ hoàn thành công trình hạng mục công trình xây dựng theo quy định tại Điều 30 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và các quy định tại Điều 27, Điều 28 Thông tư số 10/2013/TT-BXD;

l) Tổ chức kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ biện pháp thi công và các giải pháp về an toàn đã được phê duyệt theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

m) Tạm dừng hoặc đình chỉ thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn;

n) Chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong thi công xây dựng công trình;

o) Lập báo cáo hoàn thành đưa công trình vào sử dụng hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu và gửi cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 4 Quy định này;

p) Chủ đầu tư có thể thuê nhà thầu tư vấn giám sát thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc nêu tại các điểm c, điểm d, điểm e, điểm i, điểm k, điểm o khoản 1 Điều này và một số công việc khác khi cần thiết. Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện của nhà thầu tư vấn giám sát theo yêu cầu của Hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP: ✓

a) Tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng bao gồm: nghiệm thu công việc xây dựng trong quá trình thi công xây dựng; nghiệm thu đối với các giai đoạn chuyển bước thi công quan trọng của công trình (trong trường hợp cần thiết); nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng để đưa vào sử dụng. Việc tổ chức nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn chuyển bước thi công xây dựng và nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng để đưa vào sử dụng thực hiện theo các Điều 20, Điều 21, Điều 22 Thông tư số 10/2013/TT-BXD;

b) Trong hợp đồng thi công xây dựng phải quy định rõ về các công việc cần nghiệm thu, bàn giao; căn cứ, điều kiện, quy trình, thời điểm, các tài liệu, biểu mẫu, biên bản và thành phần nhân sự tham gia nghiệm thu, bàn giao hạng mục công trình, công trình hoàn thành. Kết quả nghiệm thu, bàn giao phải được lập thành biên bản;

c) Các bộ phận, hạng mục công trình xây dựng hoàn thành và công trình xây dựng hoàn thành chỉ được phép đưa vào sử dụng sau khi được chủ đầu tư nghiệm thu theo quy định. Riêng các công trình, hạng mục công trình xây dựng quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP còn phải được cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào sử dụng theo quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 4 Quy định này;

d) Trước 10 ngày làm việc (đối với công trình cấp II, cấp III và cấp IV) so với ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu đưa công trình, hạng mục công trình vào sử dụng, chủ đầu tư phải gửi báo cáo hoàn thành hạng mục công trình hoặc hoàn thành công trình cùng danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình hoặc hoàn thành công trình cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 4 Quy định này;

đ) Trường hợp chủ đầu tư không phải là đơn vị sử dụng, sau khi đã tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng hoặc công trình xây dựng để đưa vào sử dụng, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện tổ chức bàn giao hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

3. Công tác bảo hành và giải quyết sự cố trong thi công xây dựng.

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Quy định này;

b) Khi xảy ra sự cố trong thi công xây dựng, chủ đầu tư có trách nhiệm: báo cáo sự cố; tham gia giải quyết sự cố, phối hợp giám định nguyên nhân sự cố; lập hồ sơ sự cố theo quy định tại Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26 Quy định này.

Điều 12. Trách nhiệm của nhà thầu khảo sát xây dựng (thực hiện Điều 14 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng khi có yêu cầu của chủ đầu tư; lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Thực hiện khảo sát theo phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được phê duyệt; sử dụng thiết bị, phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định của pháp luật và phù hợp với công việc khảo sát.

2. Bố trí đủ cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện khảo sát; cử người có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật để làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng; tổ chức tự giám sát trong quá trình khảo sát.

3. Bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình xây dựng khác trong khu vực khảo sát; Thực hiện bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan trong khu vực khảo sát; phục hồi hiện trường sau khi kết thúc khảo sát.

4. Lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ khảo sát xây dựng và hợp đồng; kiểm tra, khảo sát lại hoặc khảo sát bổ sung khi kết quả khảo sát xây dựng không phù hợp với điều kiện tự nhiên nơi xây dựng công trình hoặc không đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ khảo sát.

Điều 13. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế (thực hiện Điều 15, Điều 19, Điều 28 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế trong khảo sát xây dựng, bao gồm:

a) Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng phù hợp với yêu cầu của từng bước thiết kế khi có yêu cầu của chủ đầu tư; Kiểm tra sự phù hợp của số liệu khảo sát với yêu cầu của bước thiết kế, tham gia nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát xây dựng khi được chủ đầu tư yêu cầu;

b) Kiến nghị chủ đầu tư thực hiện khảo sát xây dựng bổ sung khi phát hiện kết quả khảo sát không đáp ứng yêu cầu khi thực hiện thiết kế hoặc phát hiện những yếu tố khác thường ảnh hưởng đến thiết kế;

2. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế trong thiết kế xây dựng, bao gồm:

a) Bố trí đủ người có kinh nghiệm và chuyên môn để thực hiện thiết kế; cử người có đủ điều kiện năng lực theo quy định để làm chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế; Sử dụng kết quả khảo sát đáp ứng được yêu cầu của bước thiết kế và phù hợp với tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình;

b) Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình; lập hồ sơ thiết kế đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế, nội dung của từng bước thiết kế, quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan. Thực hiện thay đổi thiết kế theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm giám sát tác giả của nhà thầu thiết kế trong thiết kế xây dựng công trình:

a) Cử người đủ năng lực để thực hiện giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng theo chế độ giám sát không thường xuyên hoặc giám sát thường xuyên nếu có thỏa thuận riêng với chủ đầu tư trong hợp đồng;

b) Giải thích và làm rõ các tài liệu thiết kế công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu giám sát thi công xây dựng; Thông báo kịp thời cho chủ đầu tư và kiến nghị biện pháp xử lý khi phát hiện việc thi công sai với thiết kế được duyệt của nhà thầu thi công xây dựng;

c) Phối hợp với chủ đầu tư khi được yêu cầu để giải quyết các vướng mắc, phát sinh về thiết kế trong quá trình thi công xây dựng, điều chỉnh thiết kế phù hợp với thực tế thi công xây dựng công trình, xử lý những bất hợp lý trong thiết kế theo yêu cầu của chủ đầu tư;

d) Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nếu phát hiện hạng mục công trình, công trình xây dựng không đủ điều kiện nghiệm thu phải có ý kiến kịp thời bằng văn bản gửi chủ đầu tư.

Điều 14. Trách nhiệm của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình (thực hiện Điều 27 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Cử người có đủ năng lực theo quy định để thực hiện nhiệm vụ của giám sát trưởng và các chức danh giám sát khác. Người thực hiện việc giám sát thi công xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với công việc xây dựng, loại, cấp công trình.

2. Lập sơ đồ tổ chức và đề cương giám sát bao gồm nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của các chức danh giám sát, lập kế hoạch và quy trình kiểm soát chất lượng, quy trình kiểm tra và nghiệm thu, phương pháp quản lý các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình giám sát thi công xây dựng.

3. Thực hiện giám sát thi công xây dựng theo yêu cầu của hợp đồng xây dựng, đề cương đã được chủ đầu tư chấp thuận và quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

4. Nghiệm thu các công việc do nhà thầu thi công xây dựng thực hiện theo yêu cầu của hợp đồng xây dựng.

5. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công trình xây dựng tương ứng với phần công việc do mình thực hiện, kể cả sau thời gian bảo hành.

Điều 15. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng (thực hiện Điều 25 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản mốc định vị và mốc công trình; Lập và phê duyệt biện pháp thi công trong đó quy định rõ các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình, tiến độ thi công, trừ trường hợp trong hợp đồng có quy định khác.

2. Lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với quy mô công trình, trong đó quy định trách nhiệm của từng cá nhân, từng bộ phận đối với việc

quản lý chất lượng công trình xây dựng; Phân định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng giữa các bên trong trường hợp áp dụng hình thức tổng thầu thi công xây dựng công trình; tổng thầu thiết kế và thi công xây dựng công trình; tổng thầu thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình; tổng thầu lập dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình và các hình thức tổng thầu khác (nếu có).

3. Bố trí nhân lực, cung cấp vật tư, thiết bị thi công theo yêu cầu của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Thi công xây dựng theo đúng hợp đồng xây dựng, giấy phép xây dựng, thiết kế xây dựng công trình; đảm bảo chất lượng công trình và an toàn trong thi công xây dựng. Thông báo kịp thời cho chủ đầu tư nếu phát hiện bất kỳ sai khác nào giữa thiết kế, hồ sơ hợp đồng và điều kiện hiện trường.

5. Thực hiện các công tác kiểm tra, thí nghiệm vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng và lắp đặt vào công trình xây dựng theo quy định của tiêu chuẩn, yêu cầu của thiết kế và yêu cầu của hợp đồng xây dựng.

6. Quản lý công tác an toàn trong thi công xây dựng theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

7. Sửa chữa sai sót, khiếm khuyết chất lượng đối với những công việc do mình thực hiện; chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư khắc phục hậu quả sự cố trong quá trình thi công xây dựng công trình; lập báo cáo sự cố và phối hợp với các bên liên quan trong quá trình giám định nguyên nhân sự cố.

8. Lập nhật ký thi công xây dựng công trình và bản vẽ hoàn công theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

9. Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng theo yêu cầu của chủ đầu tư.

10. Hoàn trả mặt bằng, di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao, trừ trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận khác.

11. Thực hiện bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại Điều 20, Điều 21 của Quy định này.

Điều 16. Trách nhiệm của nhà thầu chế tạo, sản xuất, cung cấp vật liệu, sản phẩm, thiết bị, cấu kiện sử dụng cho công trình xây dựng (thực hiện Điều 26 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Đảm bảo chất lượng vật liệu, sản phẩm, thiết bị, cấu kiện xây dựng theo tiêu chuẩn kỹ thuật được công bố áp dụng và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, đáp ứng được yêu cầu của thiết kế.

2. Cung cấp cho bên giao thầu đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan tới sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa

và pháp luật khác có liên quan; đảm bảo quy định về nhãn mác sản phẩm, hàng hóa.

3. Thực hiện việc chứng nhận hợp quy, hợp chuẩn theo quy định của pháp luật và thực hiện thí nghiệm kiểm tra chất lượng theo yêu cầu của hợp đồng.

4. Thực hiện các thỏa thuận với bên giao thầu về quy trình và phương pháp kiểm tra chất lượng vật liệu, sản phẩm, thiết bị, cấu kiện xây dựng trước và trong quá trình sản xuất cũng như trong quá trình cung ứng, sử dụng, lắp đặt vào công trình. Hình thức kiểm soát chất lượng sản phẩm thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

5. Thực hiện trách nhiệm bảo hành đối với sản phẩm do mình cung cấp cho công trình theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Quy định này.

Điều 17. Trách nhiệm của nhà thầu kiểm định chất lượng công trình xây dựng

1. Tổ chức kiểm định chất lượng công trình xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với loại, cấp công trình theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 03/2011/TT-BXD ngày 06/4/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hoạt động kiểm định, giám định và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.

2. Thực hiện kiểm định chất lượng bộ phận, công trình, hạng mục công trình và toàn bộ công trình xây dựng khi có nghi ngờ về chất lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng quy định tại khoản 8 Điều 24 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP; thực hiện kiểm định theo chỉ định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tổ chức giám định nguyên nhân sự cố quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

3. Kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Thông tư số 10/2013/TT-BXD được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Được quy định trong hợp đồng xây dựng hoặc chỉ định kỹ thuật theo yêu cầu của thiết kế;

b) Khi công trình, hạng mục công trình, bộ phận công trình xây dựng có biểu hiện không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của thiết kế;

c) Khi xảy ra sự cố trong quá trình thi công xây dựng ảnh hưởng tới chất lượng của bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng;

d) Theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ký hợp đồng BOT, BTO, BT, PPP (đối với các công trình thuộc dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BTO, BT, PPP) và yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng khi cần thiết. //

4. Lập đề cương kiểm định trình tổ chức, cá nhân có yêu cầu kiểm định xem xét chấp thuận và tổ chức thực hiện kiểm định theo đúng đề cương đã được chấp thuận; lập báo cáo đánh giá, kết luận nội dung yêu cầu kiểm định gửi cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu kiểm định.

Điều 18. Trách nhiệm của cơ sở quản lý Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Tổ chức và hoạt động của phòng thí nghiệm theo quy định tại Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD ngày 01/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chế công nhận và quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, cơ sở quản lý phòng thí nghiệm phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tổ chức và quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận.

2. Khi được quyết định công nhận Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, cơ sở quản lý phòng thí nghiệm phải gửi thông báo bằng văn bản cho Sở Xây dựng (kèm bản sao quyết định công nhận, danh mục các phép thử kèm theo quyết định).

3. Thực hiện theo Hợp đồng xây dựng các thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng hoặc lắp đặt vào công trình xây dựng theo tiêu chuẩn và yêu cầu của thiết kế, đảm bảo tính khách quan và tính chính xác của các phép thử theo tiêu chuẩn đã đăng ký.

4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của Sở Xây dựng theo quy định tại Điều 24 Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD ngày 01/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Chương V

QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ BẢO HÀNH, SỰ CỐ, GIÁM SÁT CỘNG ĐỒNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 19. Bảo hành công trình xây dựng (thực hiện Điều 34 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm bảo hành công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình có trách nhiệm bảo hành thiết bị công trình. Thời hạn bảo hành công trình thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

2. Trong thời hạn bảo hành, nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình phải thực hiện việc bảo hành sau khi nhận được thông báo của chủ đầu tư yêu cầu sửa chữa, khắc phục các hư hỏng xảy ra tại công trình. Nếu các nhà thầu nêu trên không tiến hành bảo hành thì chủ đầu tư có quyền sử dụng tiền bảo hành để thuê tổ chức, cá nhân khác sửa chữa.

3. Chủ đầu tư phải thỏa thuận trong hợp đồng với các nhà thầu tham gia xây dựng công trình về quyền và trách nhiệm của các bên trong bảo hành công trình xây dựng; mức tiền bảo hành và việc lưu giữ, sử dụng, hoàn trả tiền bảo hành theo quy định của pháp luật về hợp đồng trong hoạt động xây dựng. ✓

Điều 20. Trách nhiệm của các bên về bảo hành công trình xây dựng
(thực hiện Điều 35 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm:

a) Tổ chức lập và phê duyệt quy trình vận hành, bảo trì công trình và thực hiện việc vận hành, bảo trì công trình theo đúng quy định của quy trình vận hành, bảo trì công trình;

b) Kiểm tra, phát hiện hư hỏng công trình để yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình sửa chữa, thay thế; giám sát và nghiệm thu công việc khắc phục, sửa chữa của nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình xây dựng;

c) Xác nhận hoàn thành bảo hành công trình xây dựng cho nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình, các nhà thầu này chỉ được hoàn trả tiền bảo hành công trình sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được Chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành.

2. Nhà thầu thi công xây dựng công trình và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình có trách nhiệm:

a) Tổ chức khắc phục ngay sau khi có yêu cầu của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình và phải chịu mọi chi phí khắc phục;

b) Từ chối bảo hành trong các trường hợp hư hỏng phát sinh không phải do lỗi của nhà thầu gây ra hoặc do nguyên nhân bất khả kháng.

3. Nhà thầu khảo sát xây dựng, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình và các nhà thầu khác có liên quan chịu trách nhiệm về chất lượng công trình tương ứng với phần công việc do mình thực hiện kể cả sau thời gian bảo hành.

Điều 21. Phân loại, phân cấp sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng (thực hiện Điều 36 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Các loại sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng (gọi chung là sự cố), bao gồm: Sự cố công trình (công trình chính, công trình phụ trợ, công trình tạm, công trình lân cận); sự cố mất an toàn lao động của người hoặc thiết bị thi công xây dựng; sự cố cháy, nổ xảy ra trong thi công xây dựng và khai thác sử dụng công trình xây dựng.

2. Cấp sự cố được chia thành bốn cấp theo mức độ thiệt hại về người và vật chất, bao gồm: cấp đặc biệt nghiêm trọng, cấp I, cấp II và cấp III. Phân cấp sự cố thực hiện theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

Điều 22. Báo cáo sự cố (thực hiện Điều 37 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Ngay sau khi xảy ra sự cố, bằng phương pháp nhanh nhất chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình phải báo cáo tóm tắt về sự cố cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố và cơ quan cấp trên của mình.

Ủy ban nhân dân cấp xã ngay sau khi nhận được thông tin phải báo cáo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện về sự cố;

2. Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự cố, chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình báo cáo về sự cố bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi xảy ra sự cố và Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với tất cả các loại sự cố, nếu có thiệt hại về người thì chủ đầu tư còn phải gửi báo cáo cho Bộ Xây dựng và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan;

3. Sau khi nhận được báo cáo bằng văn bản hoặc nhận được thông tin về sự cố, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo sự cố cho Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành đối với các sự cố đặc biệt nghiêm trọng, sự cố cấp I và các sự cố khác có thiệt hại về người;

4. Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng các cấp được quyền yêu cầu chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình và các bên liên quan cung cấp thông tin về sự cố;

5. Đối với sự cố mất an toàn lao động trong thi công xây dựng và sự cố cháy, nổ xảy ra trong thi công xây dựng và khai thác sử dụng công trình xây dựng, chủ đầu tư và các nhà thầu, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng phải thực hiện báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về lao động, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

Điều 23. Giải quyết sự cố (thực hiện Điều 38 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Khi xảy ra sự cố, chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng công trình, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng có trách nhiệm thực hiện các biện pháp kịp thời để tìm kiếm, cứu hộ, bảo đảm an toàn cho người và tài sản, hạn chế và ngăn ngừa các nguy hiểm có thể tiếp tục xảy ra; tổ chức bảo vệ hiện trường sự cố và thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều 23 của Quy định này;

Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, hỗ trợ các bên có liên quan tổ chức lực lượng tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ hiện trường sự cố và thực hiện các công việc cần thiết khác trong quá trình giải quyết sự cố. Trong trường hợp xảy ra sự cố đặc biệt nghiêm trọng gây thiệt hại lớn về người và vật chất, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giải quyết.

2. Việc phá dỡ, thu dọn hiện trường sự cố thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

3. Sự cố phải được xác định đúng nguyên nhân để khắc phục triệt để, đảm bảo chất lượng công trình theo quy định của thiết kế. Sau khi khắc phục sự cố, công trình được thi công tiếp hoặc đưa vào sử dụng phải có ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Tổ chức, cá nhân gây ra sự cố có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và chi phí cho việc khắc phục sự cố tùy theo tính chất, mức độ và phạm vi ảnh hưởng của sự cố.

Điều 24. Tổ chức giám định nguyên nhân sự cố (thực hiện Điều 39 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Thẩm quyền tổ chức giám định nguyên nhân sự cố:

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với sự cố cấp II, cấp III, như sau:

a) Sở Xây dựng tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình thuộc chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Quy định này;

b) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Quy định này;

c) Phòng chuyên môn cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình nhà ở riêng lẻ theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Quy định này. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể đề nghị Sở Xây dựng phối hợp thực hiện trong việc tổ chức giám định;

d) Trong trường hợp cần thiết, các cơ quan chủ trì tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình chuyên ngành phối hợp hoặc tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân sự cố.

2. Nội dung thực hiện giám định nguyên nhân sự cố thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

3. Cơ quan nhà nước quy định tại khoản 1 Điều này có thể trực tiếp thực hiện giám định hoặc chỉ định tổ chức kiểm định có năng lực phối hợp thực hiện giám định sự cố.

4. Chủ đầu tư, các nhà thầu khảo sát, thiết kế, giám sát thi công xây dựng và nhà thầu thi công xây dựng công trình có nghĩa vụ thực hiện yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình giám định nguyên nhân sự cố.

5. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân có hành động ngăn cản, can thiệp vào quá trình giám định nguyên nhân sự cố của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 25. Hồ sơ sự cố (thực hiện Điều 40 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng có trách nhiệm lập hồ sơ sự cố. Riêng sự cố nhà ở riêng lẻ, Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ sự cố.

2. Nội dung hồ sơ sự cố thực hiện theo quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 39 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

Điều 26. Giám sát của nhân dân về chất lượng công trình xây dựng (thực hiện Điều 9 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP) //

1. Chủ đầu tư tổ chức lập và treo biển báo tại công trường thi công, biển báo phải đặt ở vị trí dễ nhìn, dễ đọc để tạo điều kiện cho nhân dân giám sát, nội dung ghi trên biển báo thực hiện theo quy định tại Điều 74 Luật Xây dựng.

2. Khi phát hiện hành vi vi phạm Quy định này, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời với chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt công trình hoặc cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng.

3. Chủ đầu tư, các cơ quan tiếp nhận thông tin phản ánh của nhân dân có trách nhiệm xem xét, xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 27. Xử lý chuyển tiếp

1. Về phân cấp công trình xây dựng để phục vụ công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng:

a) Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình được quyết định đầu tư trước ngày Thông tư số 10/2013/TT-BXD có hiệu lực thi hành, thì cấp công trình thuộc dự án được xác định theo quyết định đầu tư;

b) Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình được quyết định đầu tư sau ngày Thông tư số 10/2013/TT-BXD có hiệu lực thi hành, thì cấp công trình thuộc dự án được xác định theo quy định tại Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

2. Về chứng nhận đủ điều kiện an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng:

Các công trình, hạng mục công trình đã có hợp đồng và thực hiện chứng nhận đủ điều kiện an toàn chịu lực hoặc chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 15/2013/NĐ-CP có hiệu lực nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận thì chủ đầu tư và tổ chức chứng nhận tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành công trình, hạng mục công trình. Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng căn cứ kết quả kiểm tra công trình tại hiện trường, kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận để kết luận kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư trước khi đưa công trình vào sử dụng;

3. Về kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình thuộc đối tượng phải được kiểm tra trước khi đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD:

a) Đối với công trình được nghiệm thu hoàn thành công trình vào sử dụng trước ngày Nghị định số 15/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, việc nghiệm thu công trình được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh;

b) Đối với công trình được nghiệm thu hoàn thành sau ngày Nghị định số 15/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, việc nghiệm thu công trình phải thực hiện theo quy định của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

Riêng đối với công trình sử dụng vốn ngân sách tỉnh được nghiệm thu hoàn thành sau ngày 15 tháng 4 năm 2013 đến trước ngày Thông tư số 10/2013/TT-BXD có hiệu lực thi hành, thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2009/TT-BXD.

Điều 28. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh nếu có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, tùy theo mức độ vi phạm bị xử phạt theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; trường hợp vi phạm các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại.

2. Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh theo dõi, kiểm tra sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn; xác định các tổ chức, cá nhân vi phạm gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình để đề nghị cấp có thẩm quyền công bố tên và hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân này trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở, Ban - ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tổ chức thi hành Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Xây dựng để được hướng dẫn hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phong

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 47 /2014/QĐ-UBND
ngày 05/8 /2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

---- (1) ----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... / ...

....., ngày ... tháng ... năm ...

KẾT QUẢ KIỂM TRA TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Kính gửi :(tên chủ đầu tư).....

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25 tháng 07 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Kế hoạch kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại Văn bản số ngày ... tháng năm... ;

Căn cứ Biên bản kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng tại hiện trường ngày ... tháng ... năm ... (nếu có),

..... (1) thông báo kết quả kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng công trình như sau:

1. Tên giai đoạn kiểm tra.
2. Nội dung kiểm tra.
3. Nhận xét về hiện trạng chất lượng của công trình/ hạng mục công trình.
4. Nhận xét về sự tuân thủ các quy định của pháp luật thông qua các nội dung đã kiểm tra.
5. Các ý kiến khác (nếu có).
6. Kế hoạch kiểm tra lần sau (kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Xây dựng;
- Lưu:

..... (1)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

(1) Cơ quan thực hiện kiểm tra theo phân cấp của Quy định này.

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 17 /2014/QĐ-UBND
ngày 05/8 /2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

---- (1) ----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

....., ngày ... tháng ... năm ...

KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU ĐƯA CÔNG TRÌNH VÀO SỬ DỤNG

Kính gửi :(tên chủ đầu tư).....

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25 tháng 07 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình/hạng mục công trình tại văn bản số ngày ... tháng năm.....;

Căn cứ Biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng tại hiện trường ngày ... tháng ... năm,

..... (1) thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng như sau:

1. Nhận xét về hiện trạng chất lượng của công trình/ hạng mục công trình.
2. Nhận xét về sự tuân thủ các quy định của pháp luật thông qua kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình (theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 3 Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

3. Kết luận:

Đồng ý / Không đồng ý cho chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

4. Các ý kiến khác (nếu có)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

..... (1)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

(1) Cơ quan thực hiện kiểm tra theo phân cấp của Quy định này.

Phụ lục 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 17 /2014/QĐ-UBND
ngày 05/8 /2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

---- (*) ----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn/ phạm vi quản lý Năm

Kính gửi: Sở Xây dựng/ Sở quản lý công trình
xây dựng chuyên ngành/ Ủy ban nhân dân cấp huyện

I. Tổng số công trình xây dựng/ dự án đầu tư xây dựng (trường hợp dự án có nhiều công trình xây dựng) đang được thi công xây dựng trên địa bàn

1. Tổng số công trình xây dựng (tất cả các nguồn vốn trừ nhà ở riêng lẻ) trong kỳ báo cáo:

Loại công trình chính	Đang thi công					Đã hoàn thành				
	Cấp công trình chính					Cấp công trình chính				
	Đặc biệt	I	II	III	IV	Đặc biệt	I	II	III	IV
Dân dụng										
Công nghiệp										
Giao thông										
Nông nghiệp và PTNT										
Hạ tầng kỹ thuật										
Tổng số										

2. Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách Trung ương:

3. Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách địa phương:

4. Số công trình xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác:

II. Sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng:

1. Số lượng sự cố:

Loại công trình chính	Sự cố cấp đặc biệt nghiêm trọng		Sự cố cấp I		Sự cố cấp II		Sự cố cấp III	
	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng
Dân dụng								
Công nghiệp								
Giao thông								
Nông nghiệp và PTNT								
Hạ tầng kỹ thuật								
Tổng số								

2. Mô tả loại sự cố, thiệt hại về công trình, vật chất và về người; đánh giá nguyên nhân và giải quyết sự cố.

III. Tình hình chất lượng và quản lý chất lượng công trình xây dựng:

1. Chất lượng khảo sát, thiết kế (thông qua công tác thẩm tra thiết kế theo Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP):

a) Số lượng hồ sơ thiết kế công trình được thẩm tra theo quy định tại Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP;

b) Chất lượng thiết kế ⁽¹⁾;

c) Cắt giảm chi phí đầu tư (số tiền, tỷ lệ % trước và sau thẩm tra) ⁽²⁾;

d) Các đánh giá khác.

Trường hợp việc thẩm tra thiết kế công trình theo quy định tại Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP được thực hiện bởi tổ chức tư vấn do cơ quan chuyên môn về xây dựng chỉ định thì các thông tin nêu trên căn cứ kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn.

2. Chất lượng thi công xây dựng (thông qua công tác kiểm tra trong thi công và nghiệm thu):

a) Số lượng các công trình được kiểm tra theo quy định tại Điều 32 Nghị định 15/2013/NĐ-CP;

b) Chất lượng thi công xây dựng và công tác quản lý chất lượng ⁽³⁾;

c) Đánh giá tổng thể chất lượng công trình xây dựng sau khi nghiệm thu (Tốt, Khá, Trung bình) ⁽⁴⁾.

3. Các giải thưởng về chất lượng công trình:

a) Số lượng công trình đạt giải thưởng quốc gia về chất lượng;

b) Số lượng công trình đạt giải thưởng chất lượng cao;

c) Số lượng các nhà thầu được tôn vinh thông qua các giải thưởng.

4. Số lượng các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng vi phạm về quản lý chất lượng bị xử lý vi phạm hành chính và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương.

5. Số lượng các công trình bị đình chỉ thi công xây dựng; đình chỉ khác thác, sử dụng.

IV. Các nội dung báo cáo khác và kiến nghị:

1. Kết quả kiểm tra chất lượng công trình định kỳ và đột xuất theo quy định tại Điều 32 của Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

2. Các ý kiến, kiến nghị (nếu có)/.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

..... (*)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(*) Tên cơ quan thực hiện báo cáo;

(1) Báo cáo về số lượng hồ sơ thiết kế xây dựng công trình không đảm bảo chất lượng hoặc không tuân thủ quy định của pháp luật do vi phạm một trong các lỗi sau:

- Sai sót trong việc tính toán kết cấu, thiết kế công trình hoặc thể hiện sai trên bản vẽ dẫn tới không đảm bảo an toàn của công trình dẫn đến phải chỉnh sửa thiết kế.

- Vi phạm Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho công trình.

- Vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện thiết kế hoặc có nhiều sai sót khác đòi hỏi phải tính toán, chỉnh sửa lại toàn bộ hồ sơ thiết kế.

(2) Cắt giảm chi phí được tính dựa trên dự toán do chủ đầu tư trình:

- Số tiền cắt giảm = Giá trị dự toán do chủ đầu tư trình – Giá trị dự toán sau khi thẩm tra của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng.

- Tỷ lệ cắt giảm (%) = $\frac{\text{Số tiền cắt giảm}}{\text{Giá trị dự toán do chủ đầu tư trình}} \times 100.$

(3) Báo cáo về số lượng công trình có chất lượng thi công xây dựng không đạt yêu cầu khi có vi phạm sau:

- Để xảy ra sự cố công trình hoặc các sai sót lớn về chất lượng công trình ảnh hưởng đến an toàn, công năng sử dụng của công trình.

- Vi phạm các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, không đủ cơ sở để được chấp thuận nghiệm thu đưa vào sử dụng.

(4) Đánh giá tổng thể về chất lượng công trình theo các mức độ: Trung bình/ Khá/Tốt cụ thể:

- Chất lượng công trình đạt Tốt nếu được đánh giá từ 85 điểm trở lên.

- Chất lượng công trình đạt Khá nếu được đánh giá từ 70 đến 84 điểm.

- Chất lượng công trình đạt Trung bình nếu điểm đánh giá < 70 điểm nhưng vẫn đủ điều kiện để nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Việc chấm điểm được vận dụng theo Thông tư ban hành Quy định Tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.